

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Ông Bùi Đình Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Khánh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa ông: Lê Quang Phiệt, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 122/2017/HSPT ngày 01 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Đinh Văn Q và bị cáo Nguyễn Đông T, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đông T, người bị hại Nguyễn Thế A và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Các bị cáo kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Đinh Văn Q, sinh ngày 25/12/1991.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đinh Văn Q và bà Nguyễn Thị M; Điều trú tại thôn T, xã S, huyện H, Hà Tĩnh. Anh chị, em ruột: Có 06 người, Q là con út; vợ, con: Chưa có. Tiền án: Ngày 28/9/2011 bị TAND tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo Bản án số 84/HSST. Ngày 06/10/2015 chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/5/2017 tại Trại tạm giam công an Hà Tĩnh đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đông T, sinh ngày 14/3/1992.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Hữu L và bà Hà Thị H; Trú tại thôn T, xã S, huyện H, Hà Tĩnh. Anh chị, em ruột: Có 04 người, T là con út.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/5/2017 tại Trại tạm giam công an Hà Tĩnh đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại kháng cáo:*

Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

1. Ông Nguyễn Quang K, sinh năm 1958; Trú tại: Thôn T, xã S, huyện H, Tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

2. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1963; Trú tại: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (Có đơn xin xử vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Anh V, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị Bình A, sinh năm 1993; trú tại thôn V, xã S, huyện H, nên Đinh Văn Q thường đến nhà chị A chơi và được ông Nguyễn Khắc H (bố chị A) kể lại việc ông có người con gái khác tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh 1998 đang có quan hệ tình cảm với Nguyễn Thế A, trú tại thôn B, xã S, huyện H, nhưng gia đình ông H không đồng ý cho A và T yêu nhau. Vì bị ngăn cấm nên A đã nhiều lần quấy phá các thành viên trong gia đình. Thời gian gần đây A thường đến trước cổng trường THCS S đe dọa con trai ông là Nguyễn Khánh T đang là học sinh ở đó. Khi nghe những lời tâm sự của ông H, Q bức xúc và nảy sinh ý định tìm gặp A để răn đe. Vì không biết mặt A, nên Q có nhờ mối quan hệ xã hội xin được số điện thoại của A với ý định tìm gặp A để đánh răn đe.

Khoảng 10h 30 phút, ngày 08/02/2017, Q đi bộ lại nhà ông Nguyễn Quang K, sinh năm 1958 trú cùng thôn là cậu ruột của Q, mượn chiếc xe máy Wave an pha màu xanh, BKS 38H5-6033 mục đích đi sang trường THCS S tìm gặp Nguyễn Thế A. Q gọi điện thoại cho bạn là Nguyễn Đông T, trú cùng thôn bảo đến nhà hỏi týt, thì được T đồng ý. Q vào nhà lấy 02 con dao mỏng (dao Thái Lan), một con dài 40cm và một con khác dài 33cm, đem ra đặt ở phía trước xe máy. Khoảng 5 phút sau, T đến nhà Q thì Q nói với Tr “*Giờ mi giúp tau sang đánh một thằng ở trường cấp 2 S, có thể hấn đang chờ đe dọa đánh một em học sinh ở trong trường*”, T đồng ý mà không hỏi gì thêm.

Sau đó Q điều khiển xe máy chở T theo đường liên xã L – A – T đi sang khu vực trường THCS S để tìm A. Khi đến nơi, Q và T thấy một số người đang ngồi tại bàn uống nước trong cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị N, lúc này trong quán còn có

em Chu Thành L và em Phan Quang D, đều trú ở thôn T, xã S. Vì không biết mặt A, nên sau khi đi qua cửa hàng tạp hóa khoảng 20m, Q dừng xe lại nói với T “*Giờ mi đi lại giả vờ máy hết pin rồi mượn máy thằng đó gọi sang cho tau, nếu đúng thì tau lại đập*”, nghe vậy, T đồng ý, rồi đi bộ lại quán tạp hóa của chị N. Khi đến nơi, T mượn máy điện thoại của A để gọi, thì A đồng ý. Triệu đọc số Q cho A, A dùng điện thoại Sam Sung Galaxy J5 màu vàng đồng của mình bấm số rồi đưa cho T. Triệu cầm máy thì phía đầu Q nghe máy, T liền nói “*lại quán tạp hóa đón tau*” rồi đập máy. T tiếp tục xin A gọi nhờ thêm một cuộc nữa để chờ Q, A đồng ý. Trong lúc T cầm điện thoại và bấm số thì Qu đi xe máy đến dừng trước cửa hàng tạp hóa của chị N, rồi tay phải cầm con dao dài, tay trái cầm con dao ngắn đi đến vị trí của A, hỏi “*mi có phải là thằng Thế A không*”, A trả lời “*phải*”. Nghe vậy Q tiến lại gần vị trí của A để đe dọa chém A. Thấy vậy T lùi lại phía sau, bỏ chiếc điện thoại của A vào túi quần bò (Jean) của mình. Q dùng phần cạnh (phần bẹp) của con dao dài đập vào lưng A mấy cái, A đi ra cúi xuống lấy 02(hai) vỏ chai thủy tinh màu xanh chị N thường dùng để đựng xăng gần đó, lúc này T đi về phía sau lưng Q, lùi lại ngồi lên xe máy mà Q dựng trước đó. A cầm chai thủy tinh tiến về phía T, lúc này Q dùng con dao cầm ở tay phải chém một nhát trúng vào phần lưng bên phải của A. Bị Q chém nhưng A vẫn cầm 02 chai thủy tinh đưa lên ngang ngực hướng về phía T và nói “*trả điện thoại lại cho tau*”. T đưa hai tay lên giữ và giật lấy chai từ tay phải của A, dùng chai đánh một cái vào vùng đỉnh đầu bên trái của A làm chai thủy tinh vỡ ra. Thấy A vẫn cầm một chai thủy tinh trên tay còn lại nên Q dùng dao cầm ở tay phải chém một nhát trúng vào mặt ngoài cánh tay trái của A làm máu chảy ra nhiều và chai thủy tinh còn lại rơi xuống. Bị Q và T đánh, A bỏ chạy về hướng UBND xã S, Q tiếp tục cầm dao đuổi theo A một đoạn thì dừng lại, T điều khiển xe máy đi lại chờ Q về nhà. Khi về đến nhà ông K thì Triệu xuống xe, cầm chiếc điện thoại vừa lấy của A rồi đi bộ về nhà, tắt nguồn điện thoại, gác lên mái ngói cạnh giường ngủ của T. Còn Q vứt 02 con dao đã chém A trước đó vào bờ rào gần đó, rồi đưa xe máy vào trả cho ông K.

Nguyễn Thế A sau khi bị Q và T chém gây thương tích đã được người nhà đưa đi cấp cứu và điều trị đến ngày 28/02/2017 ra viện.

Theo bản kết luận giám định pháp y số 35/TgT ngày 10/4/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Tĩnh kết luận đối với Nguyễn Thế A bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 35 %(Ba mươi lăm phần trăm).

Tại biên bản định giá ngày 24/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản thiệt hại UBND huyện H kết luận: Chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy J5 màu vàng đồng có giá trị 2.000.000đ(Hai triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 34/CTr-KSĐT, ngày 06/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương sơn đã truy tố các bị cáo Đinh Văn và Nguyễn Đông T về tội “*Cố ý gây*

thương tích” theo khoản 3 Điều 104 và tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự 1999.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Trong quá trình điều tra và xét xử, gia đình Nguyễn Đông T đã bồi thường cho Nguyễn Thế A được 20.000.000đ(mười triệu đồng). Quá trình điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Thế A yêu cầu Đinh Văn Q và Nguyễn Đông T phải bồi thường tổng số tiền 171.000.000đ, bao gồm các khoản cụ thể sau:

- Tiền viện phí, tiền thuốc, tiền bồi dưỡng: 50.000.000đ.
- Tiền thuê xe đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn: 1.500.000đ.
- Tiền thuê xe đi cấp cứu tại bệnh viện CTCH Nghệ An (3 lần): 2.750.000đ.
- 03 Đơn thuốc mua ngoài: 2.090.000đ.
- Tiền giám định 116.000đ.
- Tiền phí, lệ phí: 90.000đ.
- Tiền lưu trú của người chăm sóc đợt 1: 300.000đ.
- Phiếu thu: 50.000đ; Phiếu thu: 50.000đ; Phiếu thu: 20.000đ.
- Tiền thuê luật gia viết đơn tố cáo: 200.000đ.
- Tiền tổn thất tinh thần 50 tháng x 1.120.000đ = 56.000.000đ.
- Tiền thu nhập thực tế bị mất 6 tháng x 5 triệu/1 tháng = 30.000.000đ.
- Tiền công người chăm sóc: 3 tháng x 6 triệu/1 tháng = 18.000.000đ.
- Tiền ăn, mua sữa Ensure: 3 tháng x 4.500.000đ /1 tháng = 13.500.000đ.

Các bị cáo cho rằng bị hại yêu cầu bồi thường như vậy là quá cao không đúng thực tế nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

** Về vật chứng vụ án gồm:*

+ Một chiếc xe máy Wave an pha màu xanh BKS 38H5-6033. Đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Quang K.

+ Một chiếc điện thoại Sam sung Galaxy J5 màu vàng đồng. Một chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu đen.

+ Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Lanrovermini màu xanh.

+ Một con dao mỏng(dao thái) dài khoảng 40cm, cán bằng gỗ, phần rộng nhất lưỡi dao 06cm. Dao màu đen xám, dạng một lưỡi sắc, mũi tù.

+ Một con dao mỏng(dao thái), cán dao bằng nhựa dài 11,5cm, phần rộng nhất lưỡi dao 06cm. Dao màu trắng – sáng, dạng một lưỡi sắc, mũi dao hơi nhọn.

Tại Bản án sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh tuyên bố Tuyên bố các bị cáo: Đinh Văn Q và Nguyễn Đông T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng khoản 3 Điều 104, khoản 1 Điều 133 BLHS năm 1999; điểm b khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/QH, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3, Điều 7, điểm c khoản 3 Điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46, các Điều 20, Điều 50, Điều 53 BLHS xử phạt bị cáo Đinh Văn Q 06(sáu) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và 03 (ba) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội bị cáo Q phải chấp hành là 09(chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.(05/5/2017).

Áp dụng khoản 3 Điều 104, khoản 1 Điều 133 BLHS năm 1999; điểm b khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/QH, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3, Điều 7, điểm c khoản 3 Điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 50, Điều 53 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Đông T 03(ba) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và 03(ba) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội bị cáo T phải chấp hành là 06(sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.(05/5/2017).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, các điều 584, 585, 586 và 590 BLDS 2015 xử: buộc bị cáo Đinh Văn Q phải bồi thường cho anh Nguyễn Thế A số tiền 30.187.200 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Đông T phải bồi thường cho Nguyễn Thế A số tiền 20.124.800 đồng; Nguyễn Đông T đã bồi thường được 20.000.000 đồng, nay còn phải bồi thường tiếp số tiền: 124.800 đồng.

Ngoài ra án sơ Thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/10/2017 bị cáo Nguyễn Đông T kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30/10/2017 người bị hại Nguyễn Thế A kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt và tăng mức bồi thường đối với các bị cáo Đinh Văn Q và Nguyễn Đông T.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có quyết định kháng nghị số 05/2017/HSST ngày 06/11/2017 với nội dung: Với lần phạm tội lần này, bị cáo Đinh Văn Q phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” với tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự nhưng cấp sơ thẩm truy tố và xét xử bị cáo về tội cướp tài sản theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự là vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật hình sự. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng điểm c khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự để xét xử đối với bị cáo Đinh Văn Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Đông T, người bị hại Nguyễn Thế A giữ nguyên nội dung kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh vẫn giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Về hình phạt:

Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm c khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999; điểm b khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/QH, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3, Điều 7, điểm c khoản 3 Điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 47 các Điều 20, Điều 50, Điều 53 BLHS xử phạt bị cáo Đinh Văn Q 06(sáu) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và 04 đến 05 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo Q phải chấp hành từ 10 đến 11 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (05/5/2017).

Áp dụng khoản 3 Điều 104, khoản 1 Điều 133 BLHS năm 1999; điểm b khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/QH, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3, Điều 7, điểm c khoản 3 Điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 50, Điều 53 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Đông T 03(ba) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và 03(ba) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội bị cáo T phải chấp hành là 06(sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (05/5/2017).

- Về dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại về yêu cầu tăng bồi thường dân sự. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần bồi thường dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đinh Văn Q và Nguyễn Đông T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm về cơ bản phù hợp với bản án sơ thẩm và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Trong vụ án này Đinh Văn Q là người giữ vai trò chính là người chủ mưu, khởi xướng, chuẩn bị hung khí (dao), phương tiện, rủ rê lôi kéo Nguyễn Đông T phạm tội và trực tiếp dùng dao chém vào lưng và tay gây nên thương tích chủ yếu cho Nguyễn Thế A nên bị cáo Q phải chịu trách nhiệm chính đối với hành vi này. Còn Nguyễn Đông T, ngay từ ban đầu không tham gia vào việc đánh Nguyễn Thế A mà chỉ lùi lại phía sau đứng xem, đến lúc bị hại cầm chai tiến đến đòi điện thoại thì Nguyễn Đông T mới có hành vi dành lấy chai và đánh vào đầu Nguyễn Thế A gây thương tích 1% nên giữ vai trò đồng phạm.

Mặc dù ý định ban đầu của các bị cáo chỉ là gây thương tích cho Nguyễn Thế A. Tuy nhiên trong quá trình diễn biến sự việc Nguyễn Đông T đã có hành vi chiếm giữ chiếc điện thoại của Nguyễn Thế A, mặc cho A đòi lại nhưng T không trả mà còn có hành vi dùng vũ lực để buộc A phải từ bỏ việc đòi lại điện thoại của mình. Đinh Văn biết việc A đòi điện thoại, thấy T dùng vũ lực gây thương tích cho A nhưng không ngăn cản mà còn dùng dao gây thương tích cho Nguyễn Thế A buộc A phải từ bỏ việc đòi điện thoại, tạo điều kiện thuận lợi cho T chiếm đoạt tài sản. Do đó hành vi của Q và T đã cấu thành tội “Cướp tài sản”.

Vì vậy, Bản án sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn xét xử các bị cáo Đinh Văn Q và Nguyễn Đông T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo Điều 104 và tội “Cướp tài sản” theo Điều 133 Bộ luật hình sự 1999 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đông T, người bị hại Nguyễn Thế A và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Về việc áp dụng điều, khoản của Bộ luật hình sự và hình phạt đối với các bị cáo của cấp sơ thẩm:

Trong vụ án này, Đinh Văn Q là người khởi xướng, chuẩn bị hung khí, rủ rê Nguyễn Đông T cùng thực hiện hành vi phạm tội gây thương tích cho anh Nguyễn Thế A, đồng thời Q cũng là đồng phạm với T trong việc dùng vũ lực chiếm đoạt của anh A 01 chiếc điện thoại trị giá 2.000.000 đồng. Khi thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích và cướp tài sản (ngày 08/2/2017), bị cáo Đinh Văn Q đang có một tiền án, cụ thể: Tại bản án số 84/2011/HSST ngày 28/9/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự (có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù hoặc tù chung thân) để xử phạt Đinh Văn Q 06 năm tù về tội trộm cắp tài sản; ngày 06/10/2015, Đinh Văn Q chấp hành xong hình phạt tù. Tính đến thời điểm phạm tội cố ý gây thương tích và cướp tài sản (ngày 08/2/2017) bị cáo Đinh Văn Q chưa được xóa án tích. Như vậy, với lần phạm tội lần này, bị cáo Đinh Văn Q phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” với tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự nhưng cấp sơ thẩm truy tố và xét xử bị cáo về tội cướp tài sản theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự là chưa đảm bảo quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của người bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đề nghị tăng hình phạt đối với Đinh Văn Q là có căn cứ.

Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra, tại phiên toà sơ thẩm và phiên toà phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo nên cần áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*” và “*Hoàn cảnh gia đình khó khăn*” quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với Nguyễn Đông T giữ vai trò đồng phạm giúp sức (đối với tội Cố ý gây thương tích), bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do bị Q rủ rê lôi kéo, nhận thức pháp

luật yếu kém; trước khi phạm tội có nhân thân tốt; quá trình điều tra tại phiên toà sơ thẩm và phiên toà phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường 20 triệu đồng cho người bị hại; gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, có bà nội được Nhà nước phong tặng danh hiệu “*bà mẹ Việt nam anh Hùng*”, bố T là thương binh 1/4, được tặng thưởng kỷ niệm chương chiến sỹ Trường Sơn, mẹ là giáo viên được tặng thưởng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, “*tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả*” và “*gia đình có công với cách mạng*” quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Đông T 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” là phù hợp.

[2.2]. Xét về phần bồi thường dân sự:

Tại phiên toà phúc thẩm người bị hại Nguyễn Thế A vẫn giữ nguyên yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 171.000.000 đồng gồm cụ thể các khoản như yêu cầu tại cấp sơ thẩm.

Căn cứ vào thời gian điều trị do người bị hại chứng minh được, chi phí thực tế và hóa đơn, chứng từ do người bị hại cung cấp, đồng thời căn cứ vào lỗi của các bị cáo trong vụ án cấp sơ thẩm xử buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thế A các khoản chi phí khám chữa bệnh, tiền lưu trú cho người chăm sóc, tiền sao giấy chứng nhận thương tật và giấy chứng nhận phẫu thuật, tiền viện phí ngoại trú, tiền giám định, tiền thuốc, dụng cụ y tế trong quá trình điều trị, tiền thuê xe cấp cứu trong quá trình điều trị tại các Bệnh viện, tiền thu nhập thực tế bị mất của người bị hại, tiền công người chăm sóc, tiền bồi dưỡng trong quá trình điều trị, phục hồi sức khoẻ, với tổng số tiền 30.312.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với chi phí khám chữa bệnh người bị hại điều trị trong hai đợt tại Bệnh viện là 31.892.272 đồng, trong đó số tiền được bảo hiểm chi trả 31.744.272 đồng, nên cấp sơ thẩm không buộc các bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị đã được bảo hiểm chi trả là có căn cứ pháp luật.

Riêng đối với khoản bồi thường về tổn thất tinh thần: Theo quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức tối đa không quá 50 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Xét tính chất, hành vi của bị cáo trong vụ án và tỷ lệ tổn thương cơ thể của người bị hại là 35%, cũng như trạng thái tâm lý, tinh thần của người bị hại sau khi bị các bị cáo gây thương tích. Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm buộc các bị cáo bồi thường 20.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần cho người bị hại là có phần thấp, vì vậy, cần buộc hai bị cáo phải bồi thường cho người bị hại tiền tổn thất tinh thần với số tiền 30.000.000 đồng là phù hợp.

Như vậy, căn cứ vào các hoá đơn, chứng từ có tại hồ sơ và quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Thế A tổng số tiền: 60.312.000 đồng.

Xét mức độ lỗi của các bị cáo trong vụ án: Cần buộc Đinh Văn Q phải chịu 60% và Nguyễn Đông T phải chịu 40% tiền bồi thường. Cụ thể bị cáo Đinh Văn Q phải bồi thường cho anh Nguyễn Thế A là $60.312.000 \text{ đồng} \times 60\% = 36.187.200 \text{ đồng}$; bị cáo Nguyễn Đông T phải bồi thường cho anh Nguyễn Thế A là $60.312.000 \text{ đồng} \times 40\% = 24.124.800 \text{ đồng}$. Bị cáo T đã bồi thường được số tiền 20.000.000 đồng, nay phải bồi thường tiếp số tiền 4.124.800 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thế A về phần hình phạt đối với bị cáo Đinh Văn Q; có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người bị hại yêu cầu tăng bồi thường dân sự đối với hai bị cáo; không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Nguyễn Đông T; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của Người bị hại đối với bị cáo Nguyễn Đông T.

[3]. Về án phí: Các bị cáo Đinh Văn Q và Nguyễn Đông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm a, b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đông T và người bị hại Nguyễn Thế A. Giữ nguyên quyết định hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T.

Chấp nhận kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thế A và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh về áp dụng điều, khoản của Bộ luật hình sự và phần hình phạt đối với bị cáo Đinh Văn Q.

Chấp nhận kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thế A về yêu cầu tăng phần bồi thường dân sự đối với bị cáo Đinh Văn Q và bị cáo Nguyễn Đông T. Sửa bản án sơ thẩm về phần dân sự.

Tuyên bố các bị cáo: Đinh Văn Q và Nguyễn Đông T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Cướp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm c khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/QH, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3, Điều 7, điểm c khoản 3 Điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

BLHS năm 2015; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 47, các Điều 20, Điều 50, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Đinh Văn Q 06(sáu) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và 05 (năm) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội bị cáo Q phải chấp hành là 11(mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (05/5/2017).

- Áp dụng khoản 3 Điều 104, khoản 1 Điều 133 BLHS năm 1999; điểm b khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/QH, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3, Điều 7, điểm c khoản 3 Điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 50, Điều 53 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Đông T 03(ba) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và 03(ba) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội bị cáo T phải chấp hành là 06(sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (05/5/2017).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, các điều 584, 585, 586 và 590 BLDS 2015 xử: Buộc bị cáo Đinh Văn Q phải bồi thường cho anh Nguyễn Thế Anh số tiền 36.187.200 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Đông T phải bồi thường cho anh Nguyễn Thế A số tiền 24.124.800 đồng; Nguyễn Đông T đã bồi thường được 20.000.000 đồng, nay còn phải bồi thường tiếp số tiền 4.124.800 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm a, điểm g khoản 1, điểm b, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Đinh Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.809.360 án phí dân sự sơ thẩm; buộc bị cáo Nguyễn Đông T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Đông T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 27 – Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, CA, THA sơ thẩm;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hồ Đức Quang